

Số: 20/2021/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi  
và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách  
tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 7151/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022-2025.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này, Thủ trưởng các sở, ngành ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc để làm căn cứ tổ chức thực hiện, đảm bảo khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của từng đơn vị trực thuộc, thực hiện công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh giai đoạn 2022-2025 kèm theo Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp về phương án phân bổ cho các đơn vị cấp huyện và ngân sách các xã, phường, thị trấn phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Đối với tiền cho thuê đất, thuê mặt nước thuộc các dự án do cấp tỉnh quản lý: Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm công bố danh mục dự án cho thuê mặt đất, mặt nước thuộc cấp tỉnh quản lý, đồng thời chỉ đạo Cục thuế tỉnh thực hiện việc quản lý thu theo đúng quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này áp dụng cho giai đoạn ngân sách 2022-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Hoàng Yến**

**QUY ĐỊNH**

**Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán  
chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022-2025**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Nguyên tắc và mục đích phân cấp**

1. Gắn nhiệm vụ chi với nguồn thu và năng lực quản lý của từng cấp chính quyền địa phương, đảm bảo nguồn lực để các cấp chủ động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra, trong đó chú trọng đến khả năng nâng dần mức độ tự cân đối ngân sách của các cấp chính quyền địa phương, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi quản lý; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp; hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với từng khoản thu cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia theo tỷ lệ giữa các cấp ngân sách địa phương cấp dưới không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia quy định của cấp trên về từng khoản thu được phân chia.

3. Đảm bảo theo đúng tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền theo quy định tại Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và phát triển cân đối nguồn ngân sách giữa các khu vực trên địa bàn để chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng thời đảm bảo tập trung điều hành ngân sách các cấp trong phạm vi địa phương.

5. Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý, điều hành ngân sách.

6. Tăng cường nguồn lực cho ngân sách huyện, xã nhằm nâng cao hơn nữa khả năng tự cân đối ngân sách, giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên.

7. Định mức phân bổ ngân sách đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí ngân sách hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành đến ngày 31 tháng 5 năm 2021 (chưa bao gồm các chính sách: hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; mai táng phí;...) và tiền lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

8. Trong giai đoạn thực hiện ổn định ngân sách, khi chỉ số giá (CPI) tăng cao, định mức chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể trong quy định này không còn phù hợp với tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào khả năng ngân sách xây dựng phương án điều chỉnh định mức chi trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2022-2025**

#### **MỤC 1. QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU**

##### **Điều 2. Nguồn thu của ngân sách địa phương được phân cấp**

1. Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%

- a) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- b) Lệ phí môn bài;
- c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- d) Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước;
- đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
- e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;
- g) Tiền tương đương giá trị 20% tổng diện tích đất ở thuộc dự án nhằm bổ sung vào ngân sách địa phương dành để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;
- h) Lệ phí trước bạ;
- i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;
- l) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- m) Thu giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (m<sup>3</sup>) do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

o) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

p) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;

r) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý;

s) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

t) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp; tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;

u) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

v) Thu ngân sách cấp dưới nộp lên;

x) Thu kết dư ngân sách địa phương;

y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước

a) Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

c) Thuế thu nhập cá nhân;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu;

đ) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;

e) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản đối với Giấy phép do Trung ương cấp (ngân sách địa phương hưởng 30%).

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

### **Điều 3. Quy định phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương**

1. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

a) Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

- Thuế tài nguyên (các khoản thu thuế tài nguyên của các đơn vị do cấp tỉnh quản lý).

- Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (CTN-NQD) do tỉnh quản lý.

- Tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý.

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tiền thuê đất tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước thuộc các dự án do cấp tỉnh quản lý theo công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước của các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Tiền tương đương giá trị 20% tổng diện tích đất ở thuộc dự án nhằm bổ sung vào ngân sách địa phương dành để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản.

- Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa; tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai.

- Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; tiền bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.

- Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

- Thu giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (m<sup>3</sup>) do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.

- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý.

- Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

- Thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp tỉnh.

- Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước, Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%:

- Thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (CTN-NQD); đơn vị hành chính sự nghiệp do tỉnh quản lý.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (CTN-NQD); đơn vị hành chính sự nghiệp do cấp quản lý.

- Thuế thu nhập cá nhân từ người lao động của các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp do tỉnh quản lý;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (CTN-NQD); đơn vị hành chính sự nghiệp do tỉnh quản lý.

- Thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (CTN-NQD); đơn vị hành chính sự nghiệp do tỉnh quản lý.

c) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thành phố (bao gồm cả ngân sách xã, phường, thị trấn).

- Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng do cấp tỉnh quản lý).
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý).
- Thuế thu nhập cá nhân (không kể thuế thu nhập cá nhân do cấp tỉnh quản lý).
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp tỉnh quản lý).
- Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (CTN-NQD) do cấp tỉnh quản lý).

## 2. Nguồn thu ngân sách huyện, thành phố

### a) Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

- Lệ phí môn bài của các tổ chức, do huyện, thành phố quản lý thu;
  - Thuế tài nguyên của các đơn vị do huyện, thành phố quản lý thu;
  - Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất);
  - Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (trừ tiền cho thuê đất, thuê mặt nước thuộc nguồn thu ngân sách cấp tỉnh).
  - Thu tiền sử dụng đất (không kể tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý);
  - Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước (không kể tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước do tỉnh quản lý);
  - Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho huyện, thành phố theo quy định của pháp luật; huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp huyện;
  - Các khoản phí, lệ phí phân nộp ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố tổ chức thu;
  - Thu sự nghiệp phân nộp ngân sách của các đơn vị do cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý;
  - Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
  - Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;
  - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
  - Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp huyện.
- ### b) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thành phố tại điểm c khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:
- Các khoản thu phân chia ngân sách cấp huyện, thành phố hưởng 100% theo tỷ lệ điều tiết được để lại cho huyện, thành phố:



+ Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh; đơn vị hành chính, sự nghiệp do huyện, thành phố quản lý;

+ Thuế thu nhập cá nhân của các doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính, sự nghiệp do huyện, thành phố quản lý;

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh; đơn vị hành chính, sự nghiệp do huyện, thành phố quản lý;

+ Thuế bảo vệ môi trường thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh; đơn vị hành chính, sự nghiệp do huyện, thành phố quản lý.

- Các khoản thu phân chia giữa ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn:

+ Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp của khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh; đơn vị hành chính, sự nghiệp (không kể thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp do huyện, thành phố quản lý);

+ Thuế thu nhập cá nhân (không kể thuế thu nhập cá nhân do huyện, thành phố quản lý);

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước do huyện, thành phố quản lý);

+ Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường do huyện, thành phố quản lý).

c) Ngoài ra ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã thực hiện phân chia tỷ lệ phần trăm (%) đối với nguồn thu lệ phí trước bạ nhà đất theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### 3. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn (ngân sách cấp xã)

#### a) Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

- Thuế tài nguyên (trừ các khoản thu thuế tài nguyên của các đơn vị do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý thu);

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trực tiếp cho cấp xã; các khoản huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã;

- Các khoản phí, lệ phí phần nộp cho ngân sách cấp xã;

- Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

- Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Thu kết dư ngân sách cấp xã;
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã năm trước sang;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
- Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách cấp xã được hưởng 100%:

- + Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- + Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, nhưng không vượt quá tỷ lệ phần trăm phân chia ngân sách cấp huyện được hưởng:

+ Các khoản thu phân chia theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều này;

- + Lệ phí trước bạ nhà đất.

4. Quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng cụ thể như sau:

a) Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính: Thực hiện phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

b) Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu, thực hiện phân chia theo nguyên tắc: Số thu tiền chậm nộp từ người nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó, không phân chia cho nhiều cấp ngân sách. Đối với khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh.

#### **Điều 4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo tỷ lệ**

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách được áp dụng chung một tỷ lệ đối với tất cả các khoản thu phân chia theo tỷ lệ.

2. Đối với các khoản thu phân chia theo tỷ lệ giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thành phố, thực hiện điều tiết 100% cho ngân sách huyện, thành phố (bao gồm cả ngân sách cấp xã, phường, thị trấn).

3. Đối với các khoản thu phân chia theo tỷ lệ giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã (kèm theo Phụ lục quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia theo tỷ lệ cho các xã, phường, thị trấn).

## **MỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI**

### **Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương**

#### **1. Chi đầu tư phát triển**

a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Chi cho hoạt động quy hoạch được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Quy hoạch;

d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao địa phương quản lý;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Các hoạt động kinh tế;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi hoàn thuế thu nhập cá nhân

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.
7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.
8. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

## **Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh**

### **1. Chi đầu tư phát triển**

a) Đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hóa, hoặc chỉ xã hội hóa một phần thuộc cấp tỉnh quản lý.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Chi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương giao tỉnh thực hiện;

d) Chi cho hoạt động quy hoạch được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Quy hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành;

đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

### **2. Chi thường xuyên**

a) Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề.

- Sự nghiệp giáo dục: Ngân sách cấp tỉnh chi cho giáo dục trung học phổ thông công lập, các trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp đào tạo: hoạt động đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; đào tạo lại; hỗ trợ đào tạo sau đại học và các hoạt động đào tạo khác do cấp tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác.

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Ngân sách cấp tỉnh chi cho các hoạt động phòng bệnh và khám, chữa bệnh của bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện khu vực, cơ sở y tế và các hoạt động y tế, dân số và gia đình do cấp tỉnh quản lý.

d) Các hoạt động văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao:

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác.

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác.

đ) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, hoạt động phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

e) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng, chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Hoạt động bảo vệ, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính.

- Điều tra cơ bản; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động xuất nhập khẩu do cấp tỉnh quản lý.

- Các sự nghiệp kinh tế khác (bao gồm chi đánh giá quy hoạch được quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Quy hoạch);

g) Các hoạt động sự nghiệp môi trường;

h) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ, bao gồm cả các nội dung chi đào tạo, mua sắm trang phục, huấn luyện dân quân tự vệ;

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh;

k) Hoạt động của các cơ quan cấp tỉnh của Đảng Cộng sản Việt Nam;

l) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân;

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

n) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý;

o) Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho tỉnh quản lý;

p) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

- q) Chi hoàn thuế thu nhập cá nhân;
- r) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

- 4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.
- 5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện.
- 6. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

### **Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện**

#### **1. Chi đầu tư phát triển**

a) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hóa hoặc xã hội hóa một phần thuộc lĩnh vực quản lý theo phân cấp của tỉnh.

b) Chi tối thiểu 30% số thu tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất tỉnh để lập Quỹ phát triển đất địa phương.

c) Chi cho hoạt động quy hoạch được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Quy hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

#### **2. Chi thường xuyên**

a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Sự nghiệp giáo dục: Ngân sách cấp huyện chi cho giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác do huyện, thành phố quản lý.

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và đào tạo khác do cấp huyện quản lý.

b) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: ngân sách huyện, thành phố chi cho hoạt động phòng bệnh và khám chữa bệnh của các Trung tâm Y tế, Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm Y tế cấp xã, hoạt động dân số và gia đình do huyện, thành phố quản lý;

c) Sự nghiệp văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình thể dục, thể thao;

d) Chi đảm bảo xã hội và các sự nghiệp khác do cơ quan cấp huyện quản lý;

đ) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cơ quan cấp huyện quản lý:

- Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi.

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp huyện quản lý.

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các công trình phúc lợi công cộng khác

- Các sự nghiệp kinh tế khác (bao gồm các nhiệm vụ chi: đo đạc, kiểm kê đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính, (đánh giá quy hoạch được quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Quy hoạch do huyện, thành phố quản lý).

e) Sự nghiệp môi trường do huyện, thành phố quản lý (bao gồm chi hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên đại bàn);

g) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phân cấp cho huyện, thành phố quản lý;

h) Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước cấp huyện, thành phố;

i) Hoạt động của các cơ quan cấp huyện của Đảng Cộng sản Việt Nam;

k) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, thành phố: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân;

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương, tỉnh ủy quyền cho huyện, thành phố quản lý;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

## **Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã**

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của tỉnh.

b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã như: giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng trong nội ô xã, thị trấn từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật từ nguồn kết dư ngân sách và nguồn tăng thu ngân sách sau khi đảm bảo cân đối chi thường xuyên.

c) Đầu tư cơ sở hạ tầng theo mục tiêu cho xã có nguồn thu thấp.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi công tác xã hội, hoạt động văn hoá thông tin, phát thanh, thể dục - thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý;

b) Quản lý, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình hạ tầng cơ sở như: Nhà văn hoá, đài tưởng niệm, cầu, đường giao thông, công trình cấp thoát nước công cộng,... Riêng đối với thị trấn, đô thị còn có nhiệm vụ chi quản lý sửa chữa, cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, đèn chiếu sáng...;

c) Hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm, nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn;

d) Chi hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải bảo vệ môi trường;

đ) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước xã, phường, thị trấn;

e) Hoạt động của các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp xã gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân;

g) Công tác quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội: tuyên truyền vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, đăng ký nghĩa vụ quân sự, huấn luyện dân quân tự vệ ... trên địa bàn xã, phường, thị trấn;

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

i) Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã.

### **Điều 9. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới**

1. Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức bổ sung từ ngân sách cấp mình cho ngân sách cấp dưới trực tiếp.

2. Bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

a) Bổ sung cân đối thu, chi ngân sách nhằm bảo đảm cho ngân sách cấp dưới có đủ nguồn để thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh được giao;

b) Bổ sung có mục tiêu, bao gồm:

- Bổ sung có mục tiêu: phần thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ cấp trên hàng năm.

- Bổ sung khác: khi phát sinh các nhiệm vụ quan trọng, mới, cấp thiết sau khi đã sử dụng hết nguồn lực của ngân sách cấp mình mà vẫn chưa đáp ứng được.

## **Chương III**

### **ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH BẾN TRE GIAI ĐOẠN 2022-2025**

#### **Điều 10. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh**

1. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo

a) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:



- Đối với các trường Trung học phổ thông định mức phân bổ theo tỷ lệ chi cho con người tính theo biên chế được cấp thẩm quyền giao là 81% (bao gồm quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương), chi công việc là 19%.

Tỷ lệ 81% -19% chỉ đảm bảo cho dự toán năm 2022. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, tùy vào khả năng cân đối ngân sách Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác (đơn vị chưa đảm bảo kinh phí hoạt động) trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

+ Tiền lương cho biên chế, tiền công cho lao động hợp đồng được cấp thẩm quyền giao (bao gồm: Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương).

+ Chi công việc tính đủ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao với mức 20 triệu đồng/biên chế/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

+ Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng được cấp thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/người/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định)

- Ngoài định mức chi cho con người và công việc nêu trên, hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách sẽ bố trí kinh phí sự nghiệp giáo dục giao Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý để chi cho các nghiệp vụ chuyên môn, sửa chữa và mua sắm cho các đơn vị trực thuộc theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm phân bổ lại kinh phí chi hoạt động cho phù hợp đối với các đơn vị trực thuộc trong tổng dự toán chi được giao.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề được xây dựng theo phương án tách phần chi thường xuyên cho các cơ sở đào tạo công lập và chi các nội dung thuộc kế hoạch đào tạo hằng năm của các ngành, chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Chi cho các cơ sở đào tạo công lập: Định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở cân đối thu chi sau khi đã tính giá dịch vụ (học phí) vào kết cấu tiền lương, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành.

Chi công việc: Định mức phân bổ là 20 triệu đồng/biên chế/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên: Thực hiện phân bổ chi ngân sách cho các nội dung thuộc kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của các ngành, các cơ quan, đơn vị.

## 2. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

Phân bổ cho y tế dự phòng 30% ngân sách chi cho sự nghiệp y tế (không bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế).

### a) Chi khôi điều trị bệnh:

Định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở cân đối thu chi sau khi đã thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ khám chữa bệnh vào kết cấu tiền lương theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

### b) Chi khôi phòng bệnh, dân số và gia đình:

- Tiền lương cho biên chế, tiền công cho lao động hợp đồng được cấp thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương).

- Chi công việc tính đủ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao với mức 20 triệu đồng/biên chế/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng theo số lượng được cấp thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/người/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

c) Ngoài định mức chi cho con người và công việc nêu trên, hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách sẽ bố trí một khoản kinh phí sự nghiệp y tế giao Sở Y tế quản lý để chi cho phòng chống dịch bệnh và các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn khác của ngành y tế.

Sở Y tế chịu trách nhiệm phân bổ lại kinh phí chi hoạt động cho phù hợp đối với các đơn vị trực thuộc trong tổng dự toán chi được giao.

## 3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ

a) Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp được xác định trên cơ sở cân đối thu chi sau khi đã thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ vào kết cấu tiền lương theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Chi con người: Thực hiện theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm quỹ tiền lương và các khoản chi đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở hiện hành.

- Chi công việc tính đủ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao với mức 20 triệu đồng/biên chế/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng theo số lượng được cấp thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/người/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

### b) Chi hoạt động sự nghiệp

Thực hiện phân bổ chi ngân sách cho nhiệm vụ khoa học công nghệ theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4

năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn trên địa bàn tỉnh Bến Tre và các văn bản quy định hiện hành.

4. Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Định mức phân bổ:

- Chi con người:

Tiền lương cho biên chế, tiền công cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở hiện hành.

- Chi công việc:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức năm 2022
1	Cơ quan hành chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Triệu đồng/biên chế	
a	Từ biên chế 01 đến biên chế thứ 19	Triệu đồng/ biên chế (kể cả biên chế kiêm nhiệm)	30
b	Từ biên chế thứ 20 đến biên chế thứ 39	Triệu đồng/ biên chế (kể cả biên chế kiêm nhiệm)	29
c	Từ biên chế thứ 40 trở lên, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP	Triệu đồng/ biên chế (hợp đồng)	27
2	Chi hoạt động của cơ quan Đảng	Triệu đồng/ biên chế (hợp đồng)	34

Định mức chi công việc nêu trên đã bao gồm cả các nội dung chi như: chi hội nghị sơ kết, tổng kết, chi đoàn ra, đoàn vào; chi mua sắm, sửa chữa máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31

tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành có đơn giá dưới 10 triệu đồng/đơn vị máy móc (thiết bị); sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi thường xuyên khác theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước.

b) Những nội dung kinh phí giao không thực hiện tự chủ:

- Định mức chi hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: 33 triệu đồng/người/năm.

- Đối với kinh phí đặc thù của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội định mức phân bổ trên cơ sở nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao và tình hình thực tế năm trước liền kề.

- Đối với các khoản chi ngoài kinh phí khoán theo Điều 4 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ được bổ sung ngoài định mức khoán theo quy định hiện hành.

5. Chi sự nghiệp an ninh - quốc phòng: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao đảm bảo an ninh, quốc phòng do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

6. Chi sự nghiệp các lĩnh vực: Văn hóa - thông tin; thể dục thể thao; phát thanh truyền hình và chi đảm bảo xã hội (áp dụng cho các đơn vị chưa tự đảm bảo kinh phí hoạt động)

Định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở cân đối thu chi sau khi đã thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ khám chữa bệnh vào kết cấu tiền lương theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

a) Chi hoạt động cho bộ máy trong đơn vị sự nghiệp:

- Chi con người: Thực hiện theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm quỹ tiền lương và các khoản chi đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở hiện hành.

Ngoài ra được phân bổ thêm kinh phí hoạt động để đảm bảo chi tiền công cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao (trong trường hợp nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập không đảm bảo).

- Chi công việc tính đủ theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức 20 triệu đồng/biên chế/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng theo số lượng được cấp có thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/người/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

b) Chi hoạt động sự nghiệp:

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao của từng ngành, lĩnh vực và tình hình thực tế qua các năm trước năm kế hoạch để phân bổ. Đồng thời, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách để phân bổ nhưng đảm bảo định mức phân bổ chi không thấp hơn năm trước liền kề.

7. Chi sự nghiệp kinh tế

a) Định mức phân bổ sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh phân bổ theo mức 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này.

b) Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp được xác định trên cơ sở cân đối thu chi sau khi đã thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ vào kết cấu tiền lương theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Chi con người: Thực hiện theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm quỹ tiền lương và các khoản chi đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở hiện hành.

Ngoài ra được phân bổ thêm kinh phí hoạt động để đảm bảo chi tiền công cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao (trong trường hợp nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập không đảm bảo).

- Chi công việc tính đủ theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức 20 triệu đồng/biên chế/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng theo số lượng được cấp có thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/người/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

8. Các sự nghiệp còn lại khác (áp dụng cho các đơn vị chưa tự đảm bảo kinh phí hoạt động):

- Chi con người: Thực hiện theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm quỹ tiền lương và các khoản chi đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở hiện hành.

Ngoài ra được phân bổ thêm kinh phí hoạt động để đảm bảo chi tiền công cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao (trong trường hợp nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập không đảm bảo).

- Chi cho công việc: Định mức phân bổ là 20 triệu đồng/biên chế (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng theo số lượng được cấp có thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/người/năm (bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

**Điều 11. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách huyện, thành phố.**

## 1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

- Thực hiện phân bổ ngân sách theo cơ cấu chi con người và chi hoạt động đảm bảo tỷ lệ 81% - 19% (bao gồm chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Phó Giám đốc (phụ trách học tập cộng đồng) Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã).

Tỷ lệ 81% -19% chỉ đảm bảo cho dự toán năm 2022. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, tùy vào khả năng cân đối ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

+ Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ;

+ Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;

+ Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

+ Hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

## 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề

Căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế địa phương qua các năm, khả năng cân đối ngân sách dành cho sự nghiệp đào tạo và nguồn thu sự nghiệp được để lại, định mức phân bổ chi đào tạo dạy nghề cho các huyện, thành phố như sau:

### a) Đối với ngân sách cấp huyện:

- Chi cho các cơ sở đào tạo công lập: định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở cân đối thu chi theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành (đảm bảo theo cơ cấu chi con người và chi hoạt động theo tỷ lệ 90% - 10% (chưa bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Đối với đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt của các ngành, các cơ quan, đơn vị là: 1.500 đồng/người dân/năm.

b) Đối với ngân sách cấp xã: định mức phân bổ chi đào tạo: 22 triệu đồng/xã/năm.

## 3. Định mức phân bổ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Chi khôi điều trị bệnh:

Định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở cân đối thu chi sau khi đã thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ khám chữa bệnh vào kết cấu tiền lương theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

b) Chi khối phòng bệnh, dân số và gia đình:

- Tiền lương cho biên chế, tiền công cho lao động hợp đồng được cấp thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương).

- Chi công việc tính đủ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao với mức 10 triệu đồng/biên chế/năm (chưa bao gồm nguồn thu được để lại theo quy định).

- Chi công việc đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng được cấp thẩm quyền giao với mức 8 triệu đồng/người/năm.

- Ngoài định mức chi cho con người và công việc nêu trên, hàng năm ngân sách các huyện, thành phố được bố trí 550 triệu đồng để chi sự nghiệp y tế khác của ngành.

c) Chi cho Trạm Y tế cấp xã:

- Tiền lương cho biên chế được cấp thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương).

- Chi hoạt động (bao gồm cả hoạt động của bộ phận dân số cấp xã):

- Phòng khám đa khoa khu vực 35 triệu đồng/trạm/năm (chưa bao gồm nguồn thu khám chữa bệnh).

- Trạm y tế xã 28 triệu đồng/Trạm/năm (chưa bao gồm nguồn thu khám chữa bệnh).

- Chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ y tế áp theo quy định hiện hành.

- Chi trợ cấp hàng tháng cho cộng tác viên dân số theo quy định hiện hành.

d) Chi thực hiện các chế độ chính sách:

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Người thuộc hộ gia đình nghèo, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người đang sinh sống tại xã đảo; người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật; người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo

vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến.

- Kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng khác theo quy định của Luật bảo hiểm y tế.

4. Định mức phân bổ quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Đối với ngân sách cấp huyện:

- Chi cho con người: Tiền lương cho biên chế, tiền công cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở hiện hành.

- Chi công việc: Định mức chi hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: 44 triệu đồng/biên chế (kể cả biên chế kiêm nhiệm và lao động hợp đồng được cấp thẩm quyền giao)/năm; chi hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ cấp huyện 600 triệu đồng/năm.

Định mức phân bổ chi công việc nêu trên bao gồm chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị và hoạt động đặc thù của Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, chi hỗ trợ hoạt động các Hội theo nhiệm vụ đặt hàng được cấp thẩm quyền giao.

b) Đối với ngân sách cấp xã:

- Chi cho con người theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; về quy định mức phụ cấp đối với Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ và Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre; về chế độ của nhân viên thú y xã và các chế độ phụ cấp khác theo quy định hiện hành.

- Chi cho công việc: định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho xã, phường, thị trấn:

+ Kinh phí hoạt động của Đảng bộ cấp xã: 96 triệu đồng;

+ Kinh phí chi quản lý hành chính: 340 triệu đồng;

+ Kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: 96 triệu đồng, trong đó:

. Mặt trận Tổ quốc: 18 triệu đồng;

. Đoàn thanh niên: 18 triệu đồng;



- . Hội Liên hiệp Phụ nữ: 18 triệu đồng;
- . Hội Cựu chiến binh: 18 triệu đồng;
- . Hội Nông dân: 18 triệu đồng;
- . Ban dân vận cấp xã: 6 triệu đồng.
- + Kinh phí hoạt động của ấp, khu phố : 4,4 triệu đồng/ấp, khu phố;
- + Kinh phí hoạt động của Ban công tác Mặt trận ấp, khu phố: 2,4 triệu đồng/Ban/năm; Kinh phí hoạt động của Chi đoàn, Chi hội các ấp, khu phố: 1,8 triệu đồng/chi đoàn, chi hội/năm;
- + Hỗ trợ hoạt động phí cho cán bộ đoàn thể ấp khu phố theo quy định hiện hành.
- Định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động khác cho xã, phường, thị trấn:
  - + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng: 6 triệu đồng;
  - + Kinh phí hoạt động của Ban thanh tra nhân dân cấp xã: 6 triệu đồng;
  - + Kinh phí tuyên truyền pháp luật, hòa giải, và nội dung khác: 25 triệu đồng;
  - + Kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ kinh phí đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác mặt trận ấp, khu phố để thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: phân bổ theo tiêu chí dân số, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương các năm qua, nguồn thu sự nghiệp được để lại, định mức chi sự nghiệp văn hoá thông tin như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện, định mức phân bổ: 8.900 đồng/người dân/năm. Trên cơ sở định mức phân bổ theo chỉ tiêu dân số, nếu tỷ lệ chi cho hoạt động (không kể quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương) nhỏ hơn 30% so với tổng chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi con người và chi hoạt động là 70% - 30%.

b) Đối với ngân sách cấp xã, định mức phân bổ: 5.000 đồng/người dân/năm (bao gồm chi phụ cấp kiêm nhiệm cho người quản lý Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã; Nhà văn hóa - khu thể thao ấp, khu phố).

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: phân bổ theo tiêu chí dân số, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương các năm qua, định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện, định mức phân bổ: 4.740 đồng/người dân/năm. Trên cơ sở định mức phân bổ theo chỉ tiêu dân số, nếu tỷ lệ chi cho hoạt động (không kể quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương) nhỏ hơn 30% so với tổng chi sự

nghiệp phát thanh - truyền hình, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi con người và chi hoạt động là 70% - 30%.

b) Đối với ngân sách cấp xã: định mức phân bổ: 1.200 đồng/người dân/năm.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao: phân bổ theo tiêu chí dân số, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương các năm qua, định mức phân bổ như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện, định mức phân bổ: 3.200 đồng/người dân/năm.

b) Đối với ngân sách cấp xã, định mức phân bổ: 1.200 đồng/người dân/năm.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: phân bổ theo tiêu chí dân số, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương các năm qua, định mức phân bổ như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện: định mức phân bổ là 4.200 đồng/người dân/năm (bao gồm chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi).

Ngoài định mức phân bổ theo chỉ tiêu dân số, ngân sách cấp huyện còn được phân bổ kinh phí để thực hiện các chính sách sau:

- Chi thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách.

- Chi trợ cấp hàng tháng đối với Thanh niên xung phong;

b) Đối với ngân sách cấp xã: định mức phân bổ là 6.800 đồng/người dân/năm (bao gồm chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi).

Ngoài định mức trên, ngân sách xã còn được phân bổ kinh phí để thực hiện: chế độ đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chi phụ cấp Đội công tác xã hội tình nguyện; chi hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo quy định hiện hành.

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng: phân bổ theo tiêu chí dân số, yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế tại địa phương các năm qua, định mức phân bổ chi quốc phòng như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện: định mức phân bổ: 3.900 đồng/người dân/năm.

b) Đối với ngân sách cấp xã: định mức phân bổ chi hoạt động: 36.000.000 đồng/xã/năm; chi trợ cấp ngày công lao động và tiền ăn của dân quân tự vệ tham gia huấn luyện, học tập 100.000.000 đồng/xã/năm.

c) Ngoài định mức phân bổ nêu trên được bổ sung kinh phí chi trợ cấp ngày

công lao động cho Tiểu đội dân quân thường trực tại huyện, chi huấn luyện cho lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở Đề án, Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Định mức phân bổ chi an ninh: phân bổ theo tiêu chí dân số, yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế tại địa phương qua các năm, định mức phân bổ như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện: định mức phân bổ: 2.200 đồng/người dân/năm.

b) Đối với ngân sách cấp xã: định mức phân bổ chi hoạt động: 40 triệu đồng/xã/năm.

c) Ngoài định mức phân bổ nêu trên được bổ sung kinh phí chi phụ cấp Đội dân phòng, Lực lượng Bảo vệ dân phố.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế: phân bổ theo tiêu chí dân số, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương, định mức phân bổ sự nghiệp kinh tế như sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện: định mức phân bổ: 18.000 đồng/người dân/năm. Ngoài định mức nêu trên, phân bổ thêm cho các huyện, thành phố có đơn vị hành chính đô thị theo mức 85.000 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 24.000 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 17.000 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại V. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp địa phương được tỉnh công nhận thêm đô thị loại V, tùy vào khả năng cân đối ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ chung cho các đô thị loại V trên địa bàn tỉnh cho phù hợp.

Riêng các địa phương: thành phố Bến Tre được bố trí thêm 15.000 triệu đồng/năm, huyện Châu Thành 10.000 triệu đồng/năm, Giồng Trôm 5.000 triệu đồng/năm để chi duy tu bảo dưỡng đường, điện chiếu sáng công cộng, vệ sinh đô thị, chỉnh trang đô thị.

b) Đối với ngân sách cấp xã: định mức phân bổ: 11.500 đồng/người dân/năm (đã bao gồm cả kinh phí lập sổ tay quy hoạch).

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường: tính 1% trong dự toán chi thường xuyên được tính theo định mức (không bao gồm các nội dung đặc thù của từng huyện).

13. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách: phân bổ theo tỷ lệ 1,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi (bao gồm kinh phí khen thưởng và huy hiệu đảng).

14. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Các địa phương được bổ sung kinh phí theo mức 5.000 triệu đồng/huyện huyện có xã ven biển.

15. Về định mức dự phòng ngân sách: dự phòng ngân sách được bố trí từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp.

**Điều 12.** Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ, được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

**Phụ lục**  
**QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO**  
**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ BẾN TRE</b>	
1	Phường An Hội	19%
2	Phường 7	91%
3	Phường Phú Khương	51%
4	Phường Phú Tân	71%
5	Xã Bình Phú	75%
6	Xã Mỹ Thạnh An	65%
7	Xã Phú Hưng	87%
8	Xã Sơn Đông	97%
9	Các xã, phường còn lại của thành phố Bến Tre	100%
<b>II</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>	
1	Tam Phước	90%
2	An Khánh	90%
3	Quới Sơn	90%
4	Phú Túc	90%
5	Tân Phú	90%
6	Thị trấn	90%

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng</b>
7	Các xã còn lại của huyện Châu Thành	100%
<b>III</b>	<b>HUYỆN GIỒNG TRÔM</b>	
1	Xã Mỹ Thạnh	80%
2	Thị trấn và các xã còn lại của huyện Giồng Trôm	100%
<b>IV</b>	<b>HUYỆN MỎ CÀY NAM</b>	
1	Thị trấn	95%
2	Các xã còn lại của huyện Mỏ Cày Nam	100%
<b>V</b>	<b>HUYỆN MỎ CÀY BẮC</b>	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Mỏ Cày Bắc	100%
<b>VI</b>	<b>HUYỆN CHỢ LÁCH</b>	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Chợ Lách	100%
<b>VII</b>	<b>HUYỆN THẠNH PHÚ</b>	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Thạnh Phú	100%
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN BA TRI</b>	
1	Các xã, thị trấn của huyện Ba Tri	100%
<b>IX</b>	<b>HUYỆN BÌNH ĐẠI</b>	
1	Thị trấn	85%
2	Các xã còn lại của huyện Bình Đại	100%